TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG Bản án số: 06 /2023/HNGĐ-ST Ngày: 16 - 01- 2023 "V/v tranh chấp ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hòa Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trường Vũ

2. Ông Huỳnh Thanh Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Minh Nhựt Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ma Ri D, sinh năm 1975, địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp C, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Ca R, sinh năm 1976, địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp C, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn chị Ma Ri D có mặt, bị đơn anh Ca R vắng mặt phiên tòa lần 2, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện,bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Ma Ri D *trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Ri D và anh Ca R sau thời gian tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý, tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 1994 nhưng đến

2002 mới đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Giấy CNKH số 142/2002 quyển số 01/TPHT ngày 18/12/2002.

Cuộc sống chung hòa, hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, anh Ca R đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh có tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Chị Ma Ri D nhiều lần khuyên ngăn anh Ca R quay lại chung sống nhưng ông Ca R không đồng ý, không còn chung sống cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Ma Ri D yêu cầu ly hôn với anh Ca R.

- Về quan hệ con chung: Chị Ma Ri D và anh C Riêm có 02 đứa con chung tên ADELAZIZ, sinh ngày 31/8/1995 và AMIN, sinh ngày 03/11/2000, hiện các cháu đã thành niên, tự lập được.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh C Riêm coù địa chỉ cư trú taïi: Tổ A, ấp C, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang. khoâng coù maët taïi nôi cö truù do ñoù T aùn khoâng ghi ñöôc lời khai,Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng thông qua người thân của anh C Riêm theo quy định tại khoản 4 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sư năm 2015.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang:

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48; Điều 203; Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham giam tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 -71-234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt phiên tòa lần thứ hai, không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ma Ri D và anh Ca R

Giấy chứng nhận kết hônsố 142/2002 quyển số 01/TPHT ngày 18/12/2002 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang cấp cho chị Ma Ri D và anh Ca R không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Chị Ma Ri D và anh C Riêm có 02 đứa con chung tên ADELAZIZ, sinh ngày 31/8/1995 và AMIN, sinh ngày 03/11/2000, tất cả đã thành niên, tự lập được, đề nghị không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị không xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

- Về án phí: Chị Ma Ri D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

Về tố tụng:

[1] *Về Thẩm quyền giải quyết:* Chị Ma Ri D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ca R có địa chỉ cư trú tại: ấp C, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang. nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Ca R vắng mặt phiên tòa lần thứ Hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Ri D và anh C Riêm sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Giấy CNKH số 142/2002 quyển số 01/TPHT ngày 18/12/2002 là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, anh Ca R đã không làm tròn trách nhiệm lo cho gia đình, qua xác minh người thân của anh Ca R thì được biết cuộc sống chung giữa vợ chồng chị Ma Ri D và anh Ca R có mâu thuẫn, hiện tại chị Ma Ri D và anh Ca R đã không còn sống chung từ năm 2020 đến nay, trong khoảng thời gian này, hai người không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa mặc dù Hội đồng xét xử động viên chị Ma Ri D đoàn tụ, nhưng chị Ma Ri D vẫn cương quyết ly hôn, điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chông đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho ly hôn giữa chị C1 Ma Ri D và anh Ca R.

Giấy chứng nhận kết hônsố 142/2002 quyển số 01/TPHT ngày 18/12/2002 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang cấp cho chị Ma Ri D và anh Ca R không còn giá trị pháp lý.

[4] Về con chung: Chị Ma Ri D và anh C Riêm có 02 đứa con chung tên ADELAZIZ, sinh ngày 31/8/1995 và AMIN, sinh ngày 03/11/2000, tất cả đã thành niên, tự lập được, nên không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ma Ri D khai trong khoảng thời gian sống chung với anh C Riêm không có tạo lập tài sản chung cũng như không nợ ai, tuy nhiên đây chỉ là lời khai của chị Ma Ri D, do chưa làm việc được với anh anh Ca R nên không xác định được, do đó về tài sản chung và nợ chung không đề cập giải quyết trong vụ án này, sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng 01 vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Ma Ri D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005244 ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Chị Ma Ri D không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Ma Ri D và anh Ca R.

Giấy chứng nhận kết hôn số 142/2002 quyển số 01/TPHT ngày 18/12/2002 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang cấp cho chị Ma Ri D và anh Ca R không còn giá trị pháp lý.

- *Về quan hệ con chung*: Đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không đề cập giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Ma Ri D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005244 ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Chị Ma Ri D có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể ngày tuyên án, anh Ca R1 vắng mặt phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày , kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Châu Phong.
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hòa Bình